

BIẾN ĐỔI KHÔNG GIAN SINH TỒN VÀ THIẾT CHẾ THÔN LÀNG TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI BRÂU HIỆN NAY¹

TS. Trần Thị Mai Lan

Viện Dân tộc học

Email: lantran1008@yahoo.com

Tóm tắt: Brâu là một trong 14 tộc người có dân số dưới 10.000 người ở Việt Nam hiện nay, cư trú tập trung tại ngã ba Đông Dương, trên địa phận biên giới tỉnh Kon Tum. Trong quá khứ, tuy là cộng đồng có dân số rất ít nhưng người Brâu có nền văn hóa khá đặc sắc, trong đó có không gian sinh tồn và văn hóa xã hội truyền thống. Bài viết phân tích quá trình biến đổi không gian cư trú và thiết chế thôn làng truyền thống của người Brâu để cung cấp thêm tư liệu về lịch sử tộc người cũng như tìm ra những điểm tích cực trong văn hóa xã hội truyền thống của họ với mong muốn những giá trị này có thể được bảo tồn và kế thừa trong xã hội hiện đại.

Từ khóa: Người Brâu, không gian sinh tồn, thiết chế thôn làng.

Abstract: The Brau are one of 14 ethnic groups with a population of fewer than 10,000 people in Vietnam today. They are concentrated at the Indochina junction, in the border area of Kon Tum province. Although the community historically had a very small population, the Brau people had a unique culture, including distinctive living spaces and traditional social structures. This article analyzes the transformation of the Brau people's traditional residential spaces and village institutions to provide more information about the history of this ethnic group and to identify positive aspects of their traditional social culture. The goal is to preserve and inherit these values in modern society.

Keywords: Brau people, living space, village institutions.

Ngày nhận bài: 16/5/2024, ngày gửi phản biện: 11/7/2024; ngày duyệt đăng: 20/8/2024.

Mở đầu

Người Brâu là một trong 14 tộc người có dân số ít ở Việt Nam, cư trú tập trung tại thôn Đăk Mế, xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, nằm gần ngã ba biên giới Đông Dương, có đồng tộc dân số đông cư trú ở bên kia biên giới của hai nước láng giềng: Lào và Campuchia. Người dân trong thôn đã từng tham gia cách mạng ở cả ba nước Đông Dương.

¹ Bài viết này là kết quả nghiên cứu của Đề tài khoa học cấp Bộ (2023 - 2024): “Biến đổi văn hóa tộc người Brâu ở vùng biên giới tỉnh Kon Tum hiện nay” do TS. Nguyễn Thị Tám làm Chủ nhiệm, Viện Dân tộc học chủ trì.

Mặc dù vậy, văn hóa của người Brâu ở thôn Đắc Mé vẫn mang những đặc trưng của tộc người sinh sống ở vùng Tây Nguyên của Việt Nam. Ngoài những giá trị văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần, văn hóa xã hội của người Brâu ghi đậm dấu ấn lịch sử tộc người của họ. Trong truyền thống, buôn làng Tây Nguyên là đơn vị tự quản, cư trú độc lập và duy nhất. Mỗi buôn làng là một thể chế kinh tế, xã hội, văn hóa và một không gian sinh tồn tự nhiên, riêng biệt và khép kín (Bùi Minh Đạo, 2010). Làng truyền thống ở Tây Nguyên trước đây được xem là “không gian xã hội” bảo đảm hài hòa lợi ích của cộng đồng trên nền tảng của yếu tố xã hội và điều kiện tự nhiên (Buôn Krông Tuyết Nhung, 2015), trong đó có không gian sinh tồn, không gian thiêng..., làng truyền thống của người Brâu cũng không ngoại lệ. Trải qua thời gian, những biến đổi về điều kiện sống đã tác động không nhỏ đến không gian sinh tồn của người Brâu. Sau khi Tây Nguyên được giải phóng, những quy tắc trong thiết chế thôn làng truyền thống ít được thực hành hơn trước, một số yếu tố văn hóa xã hội không còn môi trường cần thiết để tồn tại sau khi Nhà nước đưa người Brâu về sinh sống tập trung định cư, chấm dứt cuộc sống du canh du cư trong suốt thời kỳ dài trước đó. Tuy vậy, những giá trị căn bản chứa đựng trong luật tục truyền thống, cách quản lý và điều hành thôn làng, quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi cá nhân, cách đối nhân xử thế giữa những người trong cộng đồng phần nào vẫn được duy trì trong đời sống xã hội của người Brâu hiện nay bên cạnh việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Thôn Đắc Mé, xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum nằm sát đường Quốc lộ 40, trên trục giao thông nối giữa thị trấn Plei Kần với Cửa khẩu quốc tế Bờ Y là địa bàn người Brâu sinh sống tập trung, chủ yếu bao gồm nhà ở và đất vườn với diện tích hẹp. Ở đây, người Brâu sống xen cư với các tộc người: Kinh, Mường, một số ít người Tày, Nùng..., sống cận cư với các tộc người: Gia Rai, Giẻ Triêng và nhóm Ca Dong. Bên cạnh đó, họ vẫn duy trì mối quan hệ mật thiết với đồng tộc ở bên kia biên giới Lào và Campuchia. Phương pháp chủ đạo được sử dụng trong nghiên cứu này là điền dã dân tộc học với các công cụ chủ yếu là phỏng vấn sâu, phỏng vấn hồi cố và thảo luận nhóm, cùng với việc tổng hợp, phân tích và so sánh các số liệu thu thập tại thực địa trong hai năm 2023 và 2024.

1. Không gian sinh tồn và thiết chế thôn làng truyền thống của người Brâu

1.1. Không gian sinh tồn truyền thống

Người Brâu có nguồn gốc từ Nam Lào và Đông Bắc Campuchia. Thời kỳ chiến tranh, họ có cuộc sống du canh du cư trong các khu rừng già giáp biên, thường di chuyển cư qua lại ở khu vực biên giới của ba nước Đông Dương. Đắc Mé là một trong ba làng chuyển từ Lào sang Việt Nam định cư và theo cách mạng Việt Nam chống thực dân Pháp. Theo những người già trong thôn kể lại, khi đó người Brâu chỉ có vài chục người. Họ từ vùng Ô Tum, bên lưu vực sông Xê Ca Máng, Nậm Khoong của Nam Lào và Đông Bắc Campuchia², theo hai anh

² Theo Ban Chấp hành Đảng bộ xã Pờ Y (2023) và Bùi Ngọc Quang (2017), Nậm Khoong là phiên âm tiếng Việt của sông Mê Kông ở Campuchia. Tuy nhiên, qua khảo cứu tài liệu, Trần Thị Hồng Yến (2024) cho thấy, người Brâu ở Campuchia không cư trú gần sông Mê Kông. Nậm Khoong có thể là phiên âm tiếng Việt của sông

em thủ lĩnh Thao A Yoong và Thao Tô ra đi. Trên đường dịch chuyển, cộng đồng người Brâu đi qua Đông Bắc Campuchia thì có một nhóm người Brâu ở đó nhập vào đoàn, cùng sang Việt Nam. Họ dừng chân ở suối H'Yang, chân núi H'Niêng của xã Pờ Y để lập làng (*sruk*). Sau một thời gian ở đó, người Brâu vượt suối Pờ Y về lại phía tây, đến sát điểm thắt nút biên giới ba hồ nước, gần hồ nước lớn nay thuộc địa phận Campuchia lập *sruk* lần hai. Trong thời gian sinh sống tại đây, thủ lĩnh Thao A Yoong qua đời, ông được chôn cất bên hồ nước và suy tôn làm ông tổ của làng. Từ hồ A Yoong, người Brâu tiếp tục băng về phía đông suối Pờ Y, cạnh suối L'Mar lập *sruk* lần thứ ba. Tại đây, họ tiếp tục vượt qua bờ tây suối Pờ Y, lập *sruk* lần thứ tư ở sát bờ sông. Vào tháng 4/1991, cả làng bị cháy, chính quyền địa phương đã đưa dân làng về trung tâm xã (địa phận thôn Tà Ka ngày nay) theo chương trình định cư của Nhà nước, chấm dứt cuộc sống du canh du cư trước đây. Tên gọi Đăk Mé xuất phát từ tên gọi của suối L'Mar là Đăk L'Mar, nơi lập làng lần thứ ba (Ban Chấp hành Đảng bộ xã Pờ Y, 2023).

Gia đình già làng chuyển về khu đất mới tại xã Pờ Y ở trước tiên. Sau hai năm, cảm thấy điều kiện trồng trọt, chăn nuôi thuận lợi, không mơ thấy điềm xấu, già làng khi đó là ông Thao Lêm đã làm lễ cúng lập làng và vận động bà con không quay lại Lào và Campuchia nữa mà chuyển từ thôn Tà Ka về, lập thành thôn Đăk Mé hiện nay. Phía tây thôn Đăk Mé giáp với thôn Măng Tôn, phía đông giáp thôn Bắc Phong, phía bắc giáp thôn Kon Khôn (xã Pờ Y) và phía nam giáp xã Sa Loong của huyện Ngọc Hồi.

Trước năm 1992, làng Đăk Mé của người Brâu vẫn được xây dựng theo cấu trúc hình tròn, nhà rông là tâm điểm, các ngôi nhà trong làng đều được xây dựng xung quanh nhà rông theo đường tròn với khoảng cách từ nhà rông đến các nhà dân khoảng 100m. Các ngôi nhà đều có cửa chính nhìn thẳng sang nhà rông, phía sau nhà là vườn. Khi còn sinh sống trong rừng, xung quanh làng của người Brâu thường được rào kín bằng thân cây nứa vót nhọn đầu, cổng làng có treo những dải lá cây đan vào nhau, dưới đất cắm chông, cổng làng thường được khóa lại vào ban đêm để phòng trừ kẻ gian và ma quỷ, ngăn ngừa thú dữ, đặc biệt là hổ đến tấn công người và bắt gia súc trong làng. Từ khi chuyển đến xã Pờ Y của huyện Ngọc Hồi, làng Đăk Mé không rào xung quanh nữa, phía sau mỗi nhà trong làng đều có khu vườn nhỏ. Có hai lối vào làng: cổng chính quay ra khoảng đất trống sát đường Quốc lộ 40 và cổng phụ dẫn đến khu đất phía sau thôn, cũng là đường mà người dân đi vào rẫy, qua con suối H'Niêng - nơi có bến nước chung của cả làng. Phần đất vườn và rẫy của làng được bố trí ngay phía sau làng, thuận tiện cho người dân sinh sống và lao động sản xuất. Lối đi phía sau thôn dẫn đến khu đất mà người dân trong làng thường tập trung tổ chức cúng, làm kiêng, quy định xưa của làng là các lễ cúng dù nhỏ cũng phải cách xa nhà 10 - 15m. Chính vì vậy, các thầy cúng khi chọn đất, chọn hướng cúng cho các gia đình đều phải tuân thủ trong phạm vi khu đất cúng của làng. Rừng thiêng thờ ma và nghĩa địa chung được bố trí ở phía sau làng.

Không gian sinh tồn truyền thống của người Brâu gắn liền với rừng, sông, suối. Làng thường được dựng gần sông, suối và môi trường sinh sống, sản xuất gắn chặt với rừng với lối canh tác phát rừng làm rẫy kết hợp với khai thác lâm sản là chủ yếu. Không gian sinh tồn thuộc sở hữu chung của tất cả các hộ gia đình trong làng. Các hộ gia đình đều có thể phát rừng làm rẫy, thu hái lâm thổ sản trong rừng; hết thời gian chiếm dụng để trồng trọt, các mảnh rẫy bỏ hoang lại thuộc của chung, người khác có thể chiếm dụng, không ai có quyền chiếm dụng lâu dài cũng như mua bán, trao đổi.

1.2. Thiết chế thôn làng truyền thống

Tham gia vào việc duy trì xã hội, không thể không kể đến vai trò hết sức to lớn của luật tục. Đó là loại luật tục chưa thành văn, nội dung bao gồm nhiều điều cụ thể nhằm điều chỉnh các mối quan hệ giữa con người với con người, và giữa con người với tự nhiên (Bùi Minh Đạo chủ biên, 2003). Cũng như các tộc người thiểu số cư trú ở Tây Nguyên, việc quản lý và điều hành làng theo truyền thống của người Brâu được dựa trên luật tục. Đứng đầu bộ máy quản lý là già làng (*graa sruk*), đó là người nam giới lớn tuổi, có kinh nghiệm sản xuất, thông thạo về phong tục tập quán, nắm vững luật tục của làng. Già làng thường được toàn thể người dân trong làng bầu trực tiếp bằng hình thức giơ tay, là người nhận được tín nhiệm cao của dân làng, do đó là người chuẩn mực trong lời nói, việc làm, có gia đình nề nếp, luôn gương mẫu đi đầu trong mọi hoạt động của làng. Già làng còn là người định hướng, dẫn dắt cho dân làng về nơi ở, phương hướng làm ăn, sản xuất, lãnh đạo dân làng đoàn kết, đùm bọc giúp đỡ nhau,... Việc tìm ra nguồn nước đóng vai trò quan trọng trong đời sống và sản xuất của người Brâu, già làng đảm nhiệm công việc tìm nguồn nước, đồng thời cũng là chủ bến nước. Trong các lễ cúng cộng đồng, các lễ hội truyền thống, già làng luôn là người chủ trì.

Hỗ trợ và giúp việc cho già làng là nhóm người có uy tín (*tằng coòng sruk*), thường bao gồm thầy cúng, người am hiểu về phong tục tập quán, làm ăn giỏi hoặc thông thạo văn hóa truyền thống (có thể kể chuyện truyền thuyết tộc người, múa hát, đánh cồng chiêng, biết dựng nhà, nấu rượu, đan lát). Trong đó, phần lớn là những người già, có thể cả người trẻ tham gia nhóm này nhưng phải là người có hiểu biết, được người dân nể phục. Số lượng người trong nhóm này không cố định, tùy thuộc vào tình hình thực tế của làng. Nhóm người có uy tín là những người giúp việc trực tiếp cho già làng. Trước khi triển khai bất kỳ công việc lớn, nhỏ nào trong làng, già làng thường phải họp bàn trước với nhóm người này.

Bộ máy lãnh đạo truyền thống của người Brâu quản lý và điều hành hoạt động của làng trên cơ sở luật tục - những quy định mang tính đặc thù của một cộng đồng tộc người, được tất cả các thành viên nhất trí tuân theo. Già làng là linh hồn của cả làng, lời nói của già làng có uy tín, khiến tất cả người dân đều tin theo và nghiêm túc thực hiện. Già làng lãnh đạo và bao quát tất cả các mặt trong đời sống. Về kinh tế, già làng là người đi trước, khảo sát thực tế, học hỏi cách làm ăn, phương thức sản xuất từ các buôn làng xung quanh, từ đó truyền đạt và dạy người dân trong làng làm theo. Kết thúc một chu kỳ sản xuất, già làng và những người có uy tín thường đi tìm những vùng đất mới, nguồn nước, kêu gọi bà con rên dao, rựa và hướng dẫn

người dân đến vùng đất mới phát nương làm rẫy, truyền đạt kinh nghiệm, phương pháp chăm sóc cây trồng, vật nuôi cho thu hoạch nhiều hơn để nâng cao đời sống kinh tế cho người dân.

Về văn hóa, già làng và nhóm người có uy tín thường xuyên thực hành và truyền dạy cho các thế hệ sau về phong tục tập quán, cách sử dụng các loại nhạc cụ như cồng chiêng, trống, khèn, sáo..., cách thức cúng, kiêng kỵ trong gia đình và cộng đồng, những truyền thuyết liên quan đến lịch sử tộc người, lý giải những hiện tượng văn hóa của người Brâu. Trong các nghi lễ cúng cộng đồng, già làng là người chủ trì, sắp đặt, phân công mọi công việc cho người dân, đồng thời đóng vai trò chủ lễ các lễ cúng ở nhà rông như lễ cầu mưa, lễ mừng lúa mới, lễ cúng nhà rông mới. Già làng cũng đóng vai trò chính trong việc truyền bá văn hóa tộc người tới các cộng đồng sống xung quanh.

Già làng và những người có uy tín thường có mặt chứng kiến các nghi lễ chu kỳ đời người của người Brâu như: lễ cưới, lễ đặt tên, lễ làm chứng cho cặp đôi bỏ nhau theo phong tục của người Brâu, lễ cắt duyên cho những người góa vợ/chồng để họ đi bước nữa, lễ rửa tội trong trường hợp hai người nam và nữ có chung ông bà lấy nhau,...

Về mặt xã hội, già làng và nhóm người có uy tín thường có mặt ở nhà rông vào buổi sáng để vừa đan lát, vừa răn dạy các nam thanh niên cách thức lao động sản xuất, những quy định trong luật tục, phong tục tập quán, cách đối nhân xử thế..., trước khi nhóm thanh niên rời nhà rông đi làm việc. Trong các cuộc họp dân làng, già làng là người khuyên nhủ người dân điều hay lẽ phải, vận động họ nên đoàn kết giúp đỡ nhau, tương trợ những hoàn cảnh khó khăn, neo đơn. Trong thời kỳ kháng chiến, già làng là cầu nối giữa cách mạng, chính quyền địa phương với dân làng. Cùng với chính quyền, già làng tích cực vận động người dân để họ có hiểu biết về đường lối kháng chiến và có những đóng góp thiết thực cho cách mạng như: nam tham gia đội du kích, vận chuyển lương thực, vũ khí cho cách mạng, nữ giã gạo nuôi bộ đội,... Làng Đăk Mế có nhiều người đã bí mật nuôi bộ đội, trở thành cơ sở cách mạng, điển hình có các ông: Thao Cúp, Thao Pên, Thao Giác, Thao Khen. Già làng có trách nhiệm lãnh đạo người dân chống lại các thế lực bên ngoài tấn công vào làng làm ảnh hưởng đến đời sống, an ninh trật tự của làng. Trường hợp già làng Thao Lêm từng huy động người dân Brâu bắt đối tượng người làng khác đến gây gỗ đánh nhau, phá làng, nhốt tại nhà rông, sau đó mời gia đình và đại diện làng nơi đối tượng đang sinh sống đến để cùng phối hợp giáo dục, xử lý. Bên cạnh đó, già làng còn thay mặt dân làng tạo dựng mối quan hệ với các làng xung quanh, đồng thời phối hợp với già làng ở các thôn khác để giải quyết vụ việc có liên quan đến người dân của làng Đăk Mế. Trong xã hội cũ của người Brâu, già làng cũng có uy quyền lớn nhất, ai có miếng ngon đều mang đến biếu già làng, trong các lễ cúng, già làng là người đầu tiên được ném đồ cúng sau khi làm lễ. Người trong làng trước khi đi đâu xa đều đến hỏi ý kiến già làng, không có sự đồng ý của ông, họ sẽ không rời đi. Việc chọn đất dựng nhà rông cũng do già làng đảm nhiệm, các thầy cúng chỉ chọn hướng cho ngôi nhà chung của làng.

Luật tục của người Brâu cũng quy định, khi khách đến chơi với một gia đình trong làng, bao giờ cũng phải vào nhà rông nghỉ trước, các thanh niên trực ở nhà rông sẽ vào gia đình mà

người khách đến chơi để báo cho chủ nhà lên nhà rông đón khách thì người khách mới được vào nhà. Trường hợp người chủ nhà đang đi vắng thì anh, em của chủ nhà phải mang cơm lên nhà rông cho khách. Nhà rông cũng là nơi đón tiếp các vị khách quý của cộng đồng như các già làng, người uy tín từ các cộng đồng lân cận hay những người bạn thân của già làng.

Già làng và những người có uy tín cũng là thành viên của tổ hòa giải, đóng vai trò phán xử các vụ việc xảy ra trong làng. Họ nắm rõ quy định trong các tình huống phạm lỗi khác nhau để phân xử những trường hợp cá nhân vi phạm luật tục của làng. Những người cãi lời già làng đều bị phạt, phải mang 1 ghè rượu và 1 con lợn đã luộc chín đến xin lỗi già làng. Nếu già làng cảm thấy khó răn dạy, ông phải họp làng xin ý kiến người dân để xử lý, người đó có thể bị đuổi khỏi làng nếu không ăn năn hối cải. Sau một thời gian rời làng mà người đó hối hận xin quay lại làng sinh sống thì phải có ghè rượu, 1 con gà hoặc heo để mổ cho cả làng ăn, già làng cũng chấp nhận tha thứ. Trong khi giải quyết các vụ việc, tổ hòa giải và đương sự làm việc với nhau là chủ yếu, già làng chỉ ngồi nghe và chứng kiến, chỉ khi hòa giải không thành thì già làng mới can thiệp, yêu cầu hai bên xin lỗi nhau sau khi đã cân nhắc đối với từng trường hợp cụ thể. Với những vụ việc phức tạp, chứng cứ không rõ ràng, khó khăn trong phân xử thì luật tục của người Brâu có cách thử bằng tâm linh là yêu cầu hai đương sự cùng nhúng tay vào nước nấu chì đang sôi, ai nhúng vào bị bỏng thì người đó sai và phải chịu hình phạt nặng hơn vì không thành khẩn nhận tội ngay từ đầu.

Làng có tổ bảo vệ bao gồm các thanh niên khỏe mạnh của làng. Họ thường tập trung ngủ tại nhà rông. Nếu có kẻ lạ đến quấy phá nhưng không giải quyết được thì họ hô to gọi già làng để ông hô hào dân làng cùng hợp lực xử lý.

Từ năm 1969 đến năm 1975, làng Đắc Mế bên cạnh già làng còn có thôn trưởng - chức danh có trong bộ máy chính quyền cấp cơ sở của chế độ Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam. Thôn trưởng cũng do người dân bầu, chịu trách nhiệm quản lý về mặt hành chính và triển khai các công việc từ cấp xã đưa xuống, đại diện người dân đi họp trên xã, huyện, tỉnh, còn già làng quản lý theo phong tục với diện quản lý bao quát hơn, đóng vai trò quan trọng trong việc vận động người dân tin tưởng và làm theo. Theo quan niệm của người Brâu, già làng là bố mẹ gốc, thôn trưởng là bố mẹ thứ hai, trong các công việc của thôn, thôn trưởng có quyền góp ý với già làng và ngược lại (ý kiến của ông Thao T., sinh năm 1965, thôn Đắc Mế).

Nhìn chung, luật tục của người Brâu thể hiện sự nghiêm minh, có tính giáo dục, răn đe mạnh mẽ đối với những hành động sai trái, vi phạm đạo đức nhưng cũng linh hoạt, có tình, có lý trong những trường hợp cụ thể. Bên cạnh đó, luật tục Brâu còn mang tính nhân văn, thể hiện sự bao dung đối với những cá nhân muốn sửa chữa làm lỗi, không trừng phạt đến mức dồn ép con người tới đường cùng.

2. Những biến đổi về không gian sinh tồn và thiết chế thôn làng

2.1. Biến đổi về không gian sinh tồn

Sau giải phóng Tây Nguyên, người Brâu quay lại Việt Nam, dần quen với lối sống định cư nhưng vẫn du canh trong phạm vi nhất định, các ngôi nhà trong làng được bố trí theo

đường tròn, lấy nhà rông làm tâm điểm, rất thuận lợi cho việc sinh sống và tăng cường gắn kết, bảo vệ làng. Năm 1992, Nhà nước đầu tư xây dựng nhà ở kiên cố cho người Brâu. Nhiều hộ đang sinh sống rải rác tại các đồi, rẫy đã được vận động về sinh sống tập trung tại làng Đắc Mế. Cấu trúc truyền thống của làng đã được thay thế bằng cấu trúc hình bàn cờ, nhà ở chia theo lô để chính quyền dễ quản lý. Mô hình làng mới khiến cho các gia đình cư trú phân tán hơn, không còn tính cố kết cộng đồng cao như trước (ý kiến của ông Thao T., nguyên trưởng thôn). Bên cạnh đó, vị trí của làng được đẩy ra sát đường Quốc lộ 40 dẫn đến Cửa khẩu quốc tế Bờ Y. Phần đất trống để trồng trọt ở sâu phía trong, không gian của thôn tiếp xúc trực tiếp với nhịp sống náo nhiệt từ hoạt động lưu thông hàng hóa qua lại khu kinh tế cửa khẩu. Môi trường sống của tộc người gắn bó lâu dài với rừng bị thay đổi căn bản là một trong những lý do dẫn đến việc dỡ nhà sát quốc lộ của làng Đắc Mế đều được bán lại cho người Kinh. Nghĩa địa của làng trước đây ở ngay phía sau địa vực cư trú, nay được quy hoạch nằm sát khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y, cách thôn hơn 10km, gây trở ngại cho cuộc sống của người dân. Nhà rông không còn là tâm điểm của làng nữa mà được bố trí ở đầu làng, được xây mới kiên cố, không theo kiến trúc nhà rông truyền thống, có vách kín và khóa cửa để đề phòng trộm cắp, do ban quản lý thôn trông giữ chính. Chức năng của nhà rông cũng đã thay đổi, chỉ là địa điểm để họp thôn, nơi tổ chức các sự kiện mang tính cộng đồng của cả thôn chứ không còn là nhà rông của riêng người Brâu.

Những ngôi nhà sàn truyền thống được thay thế bằng nhà trệt xây gạch, lợp mái fibroxi măng tuy có kiên cố hơn các ngôi nhà truyền thống nhưng không gian bí bách, không tạo được cảm giác thoáng đãng như trước đây. Diện tích đất ở của làng bị thu hẹp hơn trước, các ngôi nhà được xây sát vào nhau. Số dân trong thôn tăng lên, không còn là thôn riêng của người Brâu như trước mà làng Đắc Mế ngày nay đã trở thành nơi cư trú của 7 tộc người: Brâu (chiếm 59%), Kinh (21,8%), Mường (15,4%), Thái (0,15%), Dao (0,05%), Tày (0,07%), Nùng (0,09%) (Thống kê năm 2023 của thôn Đắc Mế). Diện tích đất ở chật hẹp khiến người Brâu không còn khoảng đất sau làng dành riêng để làm các lễ cúng như trước mà các gia đình phải làm lễ cúng ở trước cửa nhà, trong phạm vi đất ở của thôn. Quy tắc truyền thống là làm lễ cúng ma phải cách nhà ít nhất 15 - 20m, không thuộc phạm vi của làng, không còn được thực hiện trong bối cảnh mới.

Suối H'Niêng cũng không còn là bến nước chung của cả thôn vì đã bị ô nhiễm nặng nề. Trước đây, suối là nguồn cung cấp nước ăn và nước sinh hoạt cho cả làng Đắc Mế nhưng hiện nay, người dân chủ yếu chuyển sang dùng nước giếng hoặc nước dẫn từ khe. Từ năm 2000, người Brâu không còn đốt rừng làm rẫy luân canh nữa mà sử dụng đất rẫy, đất ruộng sinh có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được phân cho từng hộ gia đình. Tuy nhiên, đất rẫy của một số hộ được phân cách xa nhà ở khoảng 4 - 5km, thành khu sản xuất biệt lập, khiến cho việc làm rẫy của người Brâu không thuận tiện. Vì vậy, xu hướng chung của người dân là làm lán, nhà ở ngay cạnh rẫy để vừa sinh sống, vừa làm rẫy và trông coi cây trồng, vật nuôi của mình theo tập quán cũ.

Từ năm 2000, các hoạt động khai thác rừng của người Brâu bị cấm đã phần nào làm thay đổi thói quen sống và sản xuất của họ. Người Brâu thường di chuyển qua biên giới để khai thác lâm sản vào những lúc nông nhàn. Đất rẫy được chia thường không trồng được lúa mà chỉ trồng một số cây lương thực và cây công nghiệp như sắn, cà phê, cao su. Lúa rẫy và các nghi lễ liên quan đến rẫy đã vắng bóng trong đời sống của người dân làng Đắc Mế.

Người Brâu có lịch sử sinh sống và sản xuất gắn bó với rừng từ lâu đời. Việc thay đổi môi trường sống gắn với đô thị và hoạt động sản xuất trên diện tích cố định khiến họ phải trải qua quá trình thay đổi căn bản từ nhận thức đến các hoạt động mưu sinh thực tiễn.

2.2. Biến đổi về thiết chế thôn làng

Sau giải phóng, người Brâu đã được chính quyền đưa trở lại Việt Nam, các thiết chế thôn làng cũ của họ có những thay đổi cho phù hợp với điều kiện xã hội mới. Làng Đắc Mế đã được chuyển tên gọi là thôn Đắc Mế, thuộc sự quản lý của chính quyền xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum theo hệ thống quản lý hành chính chung cho tất cả các địa phương trên cả nước. Thôn Đắc Mế hiện nay không còn là thôn riêng của người Brâu mà đã trở thành thôn có nhiều tộc người cùng cư trú, cộng đồng người Brâu trong thôn không chỉ có già làng và nhóm người có uy tín cai quản mà còn có tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị cấp thôn quản lý chung.

Hiện nay, hệ thống chính trị cấp thôn bao gồm: chi bộ thôn, trưởng thôn, phó trưởng thôn và các đoàn thể cấp thôn; trong đó, phó trưởng thôn là người Brâu. Theo thống kê của lãnh đạo thôn Đắc Mế, tại thời điểm năm 2023 chi bộ thôn Đắc Mế có 11 đảng viên, được tách ra từ chi bộ thôn Ngọc Hải từ năm 2016, trong đó có 5 đảng viên người Brâu là: Thao Lợi, Thao Phước, Thao Mãi, Thao Suốt, Nàng Len, chiếm 45,4% số đảng viên của thôn. Các đoàn thể gồm có Ban công tác Mặt trận, Chi hội Nông dân, Chi hội Phụ nữ, Chi hội Cựu chiến binh, Chi đoàn Thanh niên đều có người Brâu tham gia với tỷ lệ cao (Chi đoàn Thanh niên là 74%, Chi hội Phụ nữ là 48%, Chi hội Nông dân là 44,1%, Chi hội Cựu chiến binh là 27,7%). Ngoài ra, thôn còn có tổ hòa giải do Trưởng Ban công tác Mặt trận làm tổ trưởng, các thành viên gồm: trưởng thôn, bí thư chi bộ, trưởng các đoàn thể và già làng. Kết quả các cuộc hòa giải đều được ghi vào biên bản và gửi lên xã. Tổ an ninh tự quản kiêm dân phòng của thôn có 10 thành viên, chia thành 2 tổ, mỗi tổ có nhiệm vụ đi tuần hàng đêm để nhắc nhở người dân giữ an ninh trật tự, nếu có đối tượng chống đối thì báo cho công an xã phối hợp giải quyết.

Hiện nay, già làng không giữ vai trò đứng đầu, cai quản thôn như trước mà được coi là người có uy tín trong thôn. Tiêu chí để bầu người có uy tín trong thôn là phải cư trú tại địa phương từ 6 tháng trở lên, am hiểu phong tục tập quán và lối sống, có tiếng nói gần gũi, hòa nhập với bà con trong thôn, vận động được bà con giữ đoàn kết, gắn kết các dân tộc trong thôn với nhau. Với tiêu chí như vậy, ở các thôn khác trong xã thì già làng đồng thời là người có uy tín, riêng thôn Đắc Mế là nơi sống tập trung của dân tộc Brâu (dân tộc có dân số ít) nên được bầu hai người có uy tín là trưởng thôn (người Mường) và già làng (người Brâu). So với bộ máy cai quản thôn truyền thống, ban quản lý thôn hiện nay bao gồm những người có trình

độ học vấn cao hơn, hiểu biết rộng nên điều hành có sự bài bản theo quy định hành chính. Tuy trưởng thôn là người Mường, không thông thạo tiếng Brâu nhưng hầu hết người Brâu trong thôn đã có thể giao tiếp bằng tiếng phổ thông nên giữa ban quản lý thôn và người Brâu có rất ít khoảng cách. Người Brâu tính toán không giỏi, đặc tính chậm chạp nên làm quản lý thôn trong bối cảnh mới gặp khó khăn (Ý kiến của ông Thao M., sinh năm 1961 và bà Nàng P., sinh năm 1932, thôn Đắc Mế). Trong cuộc họp bầu trưởng thôn, già làng là người đại diện cho cộng đồng người Brâu giám sát, kiểm tra hòm phiếu.

Khác với luật tục chỉ được truyền miệng qua các thế hệ, từ già làng đến người dân trước đây, quy ước thôn được xây dựng và sửa đổi mới từ năm 2020, được ghi thành văn bản và phóng to, dán ở nhà rông cho tất cả người dân đều biết. Quy ước này quy định các quy tắc ứng xử do cộng đồng dân cư của thôn tự nguyện thỏa thuận và thiết lập nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội mang tính tự quản trong cộng đồng thôn, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận. Mọi người dân trong thôn đều phải thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi theo quy ước đề ra. Nội dung chính của quy ước đề cập đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân; xây dựng nếp sống văn hóa và gia đình văn hóa, bảo tồn truyền thống văn hóa dân tộc, phát triển làng du lịch cộng đồng; sử dụng các nguồn hỗ trợ của dự án cho người Brâu; bảo vệ an ninh trật tự, phòng chống tệ nạn ma túy; bảo vệ tài sản của Nhà nước và của công dân; đóng góp ủng hộ và khen thưởng, xử lý khi vi phạm quy ước. Bản quy ước của thôn Đắc Mế hiện nay đã bám sát vào bối cảnh xã hội mới và luật pháp của Nhà nước, dành chung cho tất cả các tộc người sinh sống trong thôn, trong đó có người Brâu. Quy ước này hàng năm vẫn được người dân thôn Đắc Mế xem xét sửa đổi nếu cần thiết. Như vậy, hiện nay, trong việc giải quyết các vấn đề xung đột ở thôn, ngoài sự tham gia của người xử kiện truyền thống còn có chính quyền và các đoàn thể. Bên cạnh đó, cộng đồng người Brâu vẫn còn giữ lại một số quy định trong hương ước truyền thống, chỉ áp dụng ở một bộ phận trong nội bộ cộng đồng tộc người như một số lễ kiêng cúng trong gia đình, trong hôn nhân, tang ma, trong việc giải quyết tranh chấp, xô xát..., những trường hợp như vậy, chỉ có già làng người Brâu cần có mặt để chứng kiến, giải quyết giúp dân. Luật tục tồn tại dưới dạng truyền miệng, vì vậy, việc thực thi theo luật tục cũng rất uyển chuyển, khác với việc chấp hành pháp luật như hiện tại. Luật tục của người Brâu thiên về hòa giải, giáo dục người phạm tội, chỉ khi không hòa giải được họ mới bắt phạt, còn luật pháp Nhà nước có quy định hình phạt rõ ràng: nhẹ tội thì hình phạt nhẹ, nặng tội thì hình phạt nặng, tội nặng nhất được quy định trong luật pháp là tử hình nhưng tội nặng nhất theo luật tục chỉ bị đuổi ra khỏi cộng đồng. Việc chấp hành pháp luật của người dân được đề cao, quy ước thôn chỉ là những quy định mang tính chất tự quản. Điều 11 trong Quy ước thôn Đắc Mế hiện nay có câu: *Việc áp dụng các biện pháp xử lý trong quy ước không thay thế các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật*. Quy ước của thôn cũng có nội dung khuyến khích giữ gìn các yếu tố văn hóa truyền thống như đâm trâu, cồng chiêng, tiếng nói, trang phục truyền thống và loại bỏ những tập tục không còn phù hợp trong xã hội hiện đại như chặn đường khi làm kiêng không cho người qua lại, ai vi phạm sẽ bị phạt vạ.

Trước năm 1975, khi chế độ tự quản trong buôn làng còn phổ biến ở Tây Nguyên nói chung và ở làng Đăk Mế nói riêng thì vai trò của già làng trong cộng đồng lớn hơn, già làng quản lý bao quát tất cả các mặt, thôn trưởng khi đó quản lý về hành chính là chủ yếu. Hiện nay, tất cả người dân có nghĩa vụ sống và làm việc theo luật pháp thì việc quản lý thôn của chính quyền cơ sở đóng vai trò chủ yếu. Bên cạnh đó, những điểm tích cực trong luật tục cũ vẫn cần được kế thừa, áp dụng trong bối cảnh mới vì dù luật pháp đã hoàn chỉnh nhưng cũng chưa giải quyết được hết các quan hệ mang tính tộc người. Những điểm phù hợp trong luật tục sẽ hỗ trợ hiệu quả cho luật pháp trong việc quản lý các cộng đồng dân tộc thiểu số như cộng đồng người Brâu. Hiện tại, ở làng Đăk Mế tồn tại hai xu hướng trong hôn nhân của người Brâu: xu hướng thứ nhất là đăng ký kết hôn theo đúng pháp luật, khi bỏ nhau, hai vợ chồng ra Tòa án làm thủ tục; xu hướng thứ hai là làm theo luật tục cũ, không đăng ký kết hôn theo Luật Hôn nhân và Gia đình, chỉ tổ chức đám cưới có sự chứng kiến của già làng. Nếu không ở được với nhau, hai bên gia đình lại mời già làng đến làm lễ theo phong tục để họ chia tay nhau. Đây là vấn đề mà chính quyền cần phải tuyên truyền vận động người Brâu nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật hơn nữa.

Việc bầu chọn già làng hiện nay có khác so với hình thức bầu già làng truyền thống. Trước kia, người Brâu sống tập trung trong làng, già làng được tất cả người dân trong làng bầu theo hình thức giơ tay biểu quyết. Hiện nay, do có nhiều người thoát ly đi làm ăn xa, cộng thêm một bộ phận người dân không có ý thức tham gia đầy đủ các cuộc họp thôn, trong đó có cuộc họp bầu chọn già làng, dẫn đến việc nhiều người Brâu ở thôn Đăk Mế không biết ai là già làng của thôn mình. Hiện tượng này cũng phản ánh thực tế là vai trò của già làng hiện nay trở nên mờ nhạt hơn trong cộng đồng. Người Brâu cho rằng, già làng xưa rất có uy tín, được coi như là cha, mẹ của người dân, dân trong thôn đều nghiêm túc nghe theo lời nói, lời khuyên của già làng. Trong lịch sử phát triển của làng Đăk Mế, các già làng thường là người lớn tuổi, đã hết tuổi lao động nên có nhiều thời gian dành cho công việc chung. Hàng ngày, già làng có thể bao quát được việc làng, nắm chắc được tình hình sản xuất, sinh hoạt của người dân, bất kể việc lớn, nhỏ gì cần can thiệp đều có thể có mặt giải quyết kịp thời. Hiện nay, với tiêu chí bầu người có uy tín của địa phương, các già làng người Brâu có thể là những người trẻ tuổi, vẫn đang giữ vai trò lao động chính trong gia đình nên có những khoảng thời gian trong năm, họ đi làm ăn xa cả tháng, không nắm được tình hình của thôn, cũng không có mặt giải quyết kịp thời các vấn đề xảy ra đối với cộng đồng người Brâu trong thôn. Có già làng chỉ hiểu biết về phong tục, tập quán nhưng lại không giỏi nói, khả năng giao tiếp với chính quyền và với người dân còn hạn chế nên thiếu sức thuyết phục trong cộng đồng. Trong mọi hoạt động của thôn thường phải có mặt già làng nhưng hiện nay, già làng nhiều khi chưa làm tròn trách nhiệm (Ý kiến của bà Đinh Thị K., trưởng thôn Đăk Mế).

Khoảng 30 năm về trước, các cấp chính quyền muốn triển khai thực hiện chủ trương, chính sách đến người dân đều phải thông qua già làng. Hiện nay, cuộc sống của người Brâu đã có nhiều thay đổi, họ có thể chủ động nhiều hơn trong kế hoạch làm ăn, định canh định cư.

Dựa vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước và chính quyền địa phương, các gia đình người Brâu có thể chủ động hơn trong hoạt động kinh tế hộ nên vai trò tìm đất, tìm nguồn nước, chỉ đạo sản xuất của già làng không còn. Về mặt xã hội, già làng không còn đứng đầu nhóm xử kiện mà chỉ là một thành viên trong tổ hòa giải; việc giải quyết những mâu thuẫn trong cộng đồng được kết hợp hài hòa giữa hai yếu tố: luật pháp và luật tục. Thực tế trong các cuộc hòa giải liên quan đến người Brâu ở thôn Đắc Mế hiện nay, già làng chỉ dự và ít khi đưa ra ý kiến. Vai trò của già làng còn giữ lại nhiều nhất ở khía cạnh văn hóa và phong tục tập quán. Già làng hiện nay được coi là người am hiểu nhiều nhất về phong tục tập quán truyền thống của cộng đồng tộc người, góp phần giúp chính quyền trong việc lãnh đạo thôn và duy trì văn hóa truyền thống của dân tộc.

Ngoài già làng, thầy cúng được coi là người có uy tín trong thôn. Thôn Đắc Mế có 9 thầy cúng chăm lo cho đời sống tâm linh của người dân trong thôn, là người giúp các gia đình thực hiện các nghi lễ. Các thầy cúng có vai trò khá quan trọng trong cộng đồng do người Brâu còn duy trì khá nhiều các lễ cúng truyền thống: lễ cầu sức khỏe, lễ cầu may, lễ cúng khi đi xa, cúng khi ốm đau lâu ngày,...

Theo ý kiến của một số người dân trong thôn, việc quản lý thôn hiện nay chặt chẽ, quy củ hơn trước do cán bộ thôn có hiểu biết rộng hơn, hoạt động dưới sự chỉ đạo và hướng dẫn của chính quyền xã. Về hình thức xử phạt đối với những người vi phạm quy ước thôn thì hiện nay, với những vi phạm nhỏ đa phần không phạt bằng hiện vật (trâu, bò) mà giải quyết theo thỏa thuận, những vi phạm lớn hơn thì phạt tiền chứ không phạt bằng hiện vật như trước, người dân cho rằng đây là điểm bất lợi đối với họ.

Kết luận

Không gian sinh tồn của người Brâu đã có những thay đổi mang tính bước ngoặt kể từ khi họ định cư tại thôn Đắc Mế. Từ tộc người liên tục di chuyển nơi ở và địa bàn sản xuất, người Brâu đã phải dần quen với cuộc sống định cư nằm gần đường quốc lộ, trông rọt trên diện tích đất cố định, một số hộ phải canh tác trên đất rẫy xa nơi ở 4 - 5km. Đó là những khó khăn đối với người Brâu vì họ quen sống trong rừng, gần rẫy. Việc phải liên tục canh tác trên một diện tích cố định buộc người Brâu phải đối mặt với tình trạng đất bạc màu và lựa chọn chuyển đổi cây trồng. Mô hình thôn làng với tính tự quản và có kết cộng đồng đã từng tồn tại hơn 100 năm nay bị phá vỡ, chia nhỏ rải rác khiến cho những người già cảm thấy hẫng hụt, sự gắn bó chia sẻ giữa các gia đình trong thôn làng trở nên lỏng lẻo hơn trước.

Biến đổi lớn thứ hai là thôn Đắc Mế không còn là thôn riêng của người Brâu mà có sự xen cư của 6 tộc người có nguồn gốc từ miền núi phía Bắc, trong đó có người Kinh. Vì vậy, người Brâu nơi đây chịu ảnh hưởng nhiều từ các tộc người khác trong văn hóa xã hội. Từ dân tộc có chế độ nội hôn tộc người, thậm chí có thời kỳ nội hôn dòng họ, hiện nay đã có nhiều cặp ngoại hôn tộc người. Ngoài những cặp kết hôn với các tộc người tại chỗ ở Tây Nguyên, đã có nhiều cặp kết hôn với các tộc người từ miền núi phía Bắc di cư vào. Điều này đã khắc

phục tương đối triệt để tình trạng hôn nhân cận huyết, gây suy giảm nòi giống, đã từng tồn tại trong cộng đồng người Brâu.

Thiết chế thôn làng mang tính tự quản đề cao vai trò già làng của người Brâu được thay thế bằng hệ thống chính trị cấp cơ sở như các thôn làng khác trong cả nước. Điều này đã làm thay đổi lối sống của người Brâu. Họ sống và làm việc theo pháp luật, đồng thời vẫn duy trì thực hiện một số khía cạnh của luật tục trong sinh hoạt cộng đồng. Việc quản lý này giúp người Brâu hòa nhập hơn với môi trường xã hội ở địa phương, thôn bản hoạt động quy củ, nề nếp hơn nhưng cũng phá vỡ những yếu tố truyền thống tốt đẹp trong luật tục của họ như sự gắn bó chặt chẽ, đoàn kết tương trợ lẫn nhau giữa các cá nhân và gia đình, các sinh hoạt cộng đồng ngày càng ít và thay đổi tính chất. Các nghi lễ cộng đồng lớn như cúng ma nhà rông, lễ cầu mưa, lễ mừng lúa mới..., nay chỉ còn tồn tại trong một vài hộ hoặc cụm hộ gia đình cùng tổ chức. Vai trò của luật tục và già làng trong tâm thức của người Brâu không còn linh thiêng và to lớn như trước, nhiều cá nhân ngang nhiên vi phạm luật tục và vi phạm pháp luật gây tác động xấu trong cộng đồng. Điều này đặt ra yêu cầu cần có những biện pháp cụ thể từ chính quyền để thay đổi nhận thức trong cộng đồng người Brâu, từ đó phát huy những yếu tố tích cực từ luật tục đã gắn với văn hóa truyền thống của họ suốt thời kỳ dài trong lịch sử, đồng thời giúp họ có thể ổn định quan hệ xã hội một cách bền vững và hòa nhập với các cộng đồng tộc người khác tích cực hơn

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Pờ Y (2023), *Lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Pờ Y (1930 - 2020)*, Tập 1.
2. Bùi Minh Đạo (Chủ biên, 2003), *Dân tộc Cơ Ho ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Bùi Minh Đạo (2010), *Tổ chức và hoạt động buôn làng trong phát triển bền vững vùng Tây Nguyên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Buôn Krông Tuyết Nhung (2015), *Làng Tây Nguyên đối với sự phát triển bền vững hiện nay*, trên trang <https://www.tapchicongsan.org.vn/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/-/2018/32071/lang-tay-nguyen-doi-voi-su-phat-trien-ben-vung-hien-nay.aspx> (Truy cập ngày 10/6/2024).
5. Bùi Ngọc Quang (2017), “Dân tộc Brâu”, trong Vương Xuân Tình (Chủ biên): *Các Dân tộc ở Việt Nam*, Tập 3, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Trần Thị Hồng Yên (2024), “Mấy vấn đề về người Brâu của Việt Nam trong quan hệ với đồng tộc ở Lào và Campuchia”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 2, tr. 3-20.